

Bài 8
NHẬT BẢN

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

– Nhận thức được quá trình phát triển của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Trình bày được vai trò kinh tế quan trọng của Nhật Bản (là một trung tâm kinh tế – tài chính, khoa học – kĩ thuật) của thế giới, đặc biệt là ở châu Á.

– Lí giải được sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản.

2. Về kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp, nhất là đi sâu tìm hiểu thực chất của một số vấn đề quan trọng.

3. Về thái độ

– Qua lịch sử, thấy được ý chí và nghị lực của người dân Nhật Bản. Từ những đổ nát hoang tàn sau ngày bại trận, họ đã xây dựng đất nước trở thành một siêu cường kinh tế đứng thứ hai thế giới, sau Mĩ.

– Từ sau Chiến tranh lạnh, quan hệ giữa nước ta với Nhật Bản đã bước sang một thời kì mới với những tầm cao mới. Ngày nay, Nhật Bản đã trở thành một đối tác chiến lược trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của nước ta.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Sự phát triển "thần kì" của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai và những nguyên nhân của sự phát triển đó. Trong đó, cần nhấn mạnh : nhân tố Mĩ (khách quan), đặc điểm xã hội và con người Nhật Bản (chủ quan).

– Vị thế ngày nay của Nhật Bản đối với khu vực Đông Á và thế giới (những ưu thế và hạn chế).

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

– Bản đồ nước Nhật hoặc bản đồ châu Á.

– Tranh, ảnh, phim,... về Nhật Bản (thành tựu phát triển, bảo vệ môi trường, hoặc giữ gìn và phát huy những giá trị truyền thống dân tộc,...).

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Mở bài

GV có thể đặt câu hỏi cho HS : Trong nhóm G7 (nhóm các nước công nghiệp phát triển), nước nào là nước châu Á duy nhất ? (Nhóm G7 gồm Nhật Bản và 6 nước thuộc các châu lục khác là Mĩ, Canada, Anh, Đức, Pháp và Ôxtrâyli).

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Nhật Bản từ năm 1945 đến năm 1952

Đây là thời kì quân đội Mĩ chiếm đóng và cai quản Nhật Bản.

SGK đã trình bày sự kiện cụ thể và rõ ràng, tuy nhiên, GV cần nắm chắc các ý chính để HS hiểu được thực chất và tính logic của các sự kiện. Đó là :

– Nước Nhật bị tàn phá nặng nề, gần như đổ nát hoàn toàn sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Ba khó khăn lớn nhất bao trùm cả đất nước Nhật là : 1. Thiếu

thốn nghiêm trọng về hàng hoá, lương thực, thực phẩm ; 2. Thất nghiệp trầm trọng (13 triệu người) ; 3. Lạm phát với tốc độ phi mã.

– Từ cuối tháng 8 – 1945, quân đội Mĩ dưới danh nghĩa Đồng minh tiến vào chiếm đóng Nhật Bản. SGK đã nêu lên các chính sách và biện pháp về chính trị và kinh tế của Mĩ đối với Nhật Bản. Qua đó, GV có thể nêu lên những nhận xét chính là :

+ Dư luận và nhiều nhà nghiên cứu cho rằng : nhìn chung là tích cực và khoan hồng, đã không diễn ra các cuộc "tắm máu" trả thù của binh lính Mĩ.

+ Mĩ không "trực trị" (cai trị trực tiếp) mà thông qua Chính phủ Nhật Bản. Những người cầm quyền Nhật Bản có nghĩa vụ phải thực hiện các chỉ thị, quyết định của Bộ chỉ huy tối cao các lực lượng Đồng minh (viết tắt theo tiếng Anh là SCAP).

+ Bằng các cải cách dân chủ (Hiến pháp mới, cải cách ruộng đất, cải cách giáo dục, dân chủ hoá lao động...), Mĩ đã đưa Nhật Bản từ một nước quân phiệt thành một nước quân chủ lập hiến, thực chất là theo chế độ dân chủ đại nghị tư sản ; trên thực tế, tạo nên một luồng không khí mới trong xã hội Nhật Bản.

+ Do tình hình thế giới có nhiều thay đổi (như sự gia tăng của Chiến tranh lạnh,...), chính sách của Mĩ đối với Nhật Bản có những điều chỉnh quan trọng : tăng cường viện trợ, giúp phục hồi nền kinh tế, chấm dứt việc giải thể các Daibátxư... nhằm biến Nhật Bản thành một đồng minh quan trọng và lệ thuộc vào Mĩ, tiêu biểu là việc kí Hoà ước hoà bình Xan Phranxixcô và Hiệp ước an ninh Mĩ – Nhật vào tháng 9 – 1951.

Đây là một giai đoạn có nhiều nội dung lí thú, GV nên gợi ý để HS suy nghĩ và phân tích như xung quanh chính sách của Mĩ đối với Nhật Bản trong những năm 1945 – 1952 và nó đã trở thành một nhân tố (nhân tố Mĩ) trong sự phát triển sau này của Nhật Bản.

Mục II – Nhật Bản từ năm 1952 đến năm 1973

Đây là giai đoạn phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản. GV hướng dẫn HS nhận thức được những nội dung chính của giai đoạn này là :

– Những thành tựu phát triển : tốc độ tăng trưởng kinh tế, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và xuất nhập khẩu (1950 – 1971, xuất khẩu tăng 30 lần, nhập khẩu tăng 21 lần).

Đầu thập kỉ 70, Nhật Bản trở thành một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới.

- Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật ở Nhật Bản.
- Đảng Dân chủ Tự do (LDP) cầm quyền liên tục từ năm 1955 đến năm 1993. Nền chính trị Nhật Bản nhìn chung là ổn định.

- Về đối ngoại : tiếp tục liên minh chặt chẽ với Mĩ.

- GV nên dành thời gian thích đáng phân tích những nhân tố đưa Nhật Bản từ một nước bại trận, đổ nát trở thành một siêu cường kinh tế. Trong các nhân tố như SGK đã nêu, GV nên tập trung phân tích vào nhân tố con người và xã hội Nhật Bản, đặt câu hỏi để HS suy nghĩ, trả lời (có thể liên hệ so sánh với nước ta). Như các sách báo thường viết : Người Nhật chăm chỉ làm việc và được đào tạo chu đáo, họ chú ý tỉ mỉ từ những cái nhỏ nhất, điều tra kĩ càng trước khi ra quyết định ; họ đặc biệt coi trọng chữ *tín* ; có ý thức cộng đồng, trước hết là từ đơn vị, công ti của mình, không dựa vào họ hàng theo quan niệm "một người làm quan, cả họ được nhờ",...

Mục III – Nhật Bản từ năm 1973 đến năm 1991

GV tập trung hướng dẫn HS hiểu được những ý chính của mục này là :

- Kinh tế vẫn theo đà tăng trưởng nhưng xen kẽ với suy thoái. Trong giai đoạn này, lần đầu tiên từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Nhật Bản không đạt được tốc độ tăng trưởng với hai con số và đã "ném mùi" suy thoái.

- Về đối ngoại, trong khi vẫn duy trì chặt chẽ liên minh Mĩ – Nhật, Nhật Bản "quay trở về" châu Á, trước hết với Trung Quốc và các nước ASEAN, chú ý mối quan hệ với các nước ASEAN và ba nước Đông Dương (học thuyết Phucưđa).

Mục IV – Nhật Bản từ năm 1991 đến năm 2000

Khi dạy mục này, GV lưu ý một số điểm sau :

Đây là giai đoạn Nhật Bản sau Chiến tranh lạnh (không còn trật tự "hai cực", diễn ra những tập hợp lực lượng mới và nguy cơ mới,...)

1. Thập kỉ 90 của thế kỉ XX, kinh tế Nhật Bản suy thoái kéo dài như báo chí từng nhận xét : Người Nhật "đã đánh mất một thập kỉ" và nước Nhật cần có những thay đổi căn bản có ý nghĩa chiến lược (như cơ cấu nền kinh tế, chiến lược công nghệ thông tin,...). Từ đầu thế kỉ XXI, kinh tế Nhật Bản đã dần phục hồi. Nhật Bản ngày nay vẫn là một trong ba trung tâm kinh tế – tài chính thế giới.

2. Về chính trị, đến năm 1993 chấm dứt sự cầm quyền của Đảng Dân chủ Tự do (LDP), tình hình chính trị Nhật Bản đã có lúc tỏ ra thiếu ổn định.

3. Về đối ngoại, Nhật Bản cố gắng thực hiện chính sách đối ngoại tự chủ, thoát dần sự lệ thuộc vào Mĩ nhưng vẫn trên cơ sở đồng minh chiến lược với Mĩ.

4. Với những cố gắng về nhiều mặt, ngày nay Nhật Bản đang phấn đấu để có một sức mạnh chính trị tương xứng với sức mạnh kinh tế, để cao vị thế của Nhật Bản ở châu Á và thế giới.

3. Sơ kết bài học

GV có thể tập trung nhấn mạnh hai nội dung sau :

– Sự phát triển của Nhật Bản trong nửa sau thế kỉ XX đã gây nên sự kinh ngạc và quan tâm nghiên cứu của thế giới. Có thể rút ra nhiều bài học tham khảo bổ ích từ sự phát triển đó. GV có thể gợi ý để HS suy nghĩ và trình bày ý kiến.

– Quan hệ Việt Nam – Nhật Bản ngày nay đang phát triển tốt đẹp trên nhiều mặt chính trị, kinh tế, văn hoá – giáo dục,... Tùy theo tình hình địa phương, GV có thể ra bài tập để HS tập hợp các sự kiện về quan hệ hợp tác Việt – Nhật.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Dựa vào nội dung mục II, trình bày (có thể phân tích thêm) về nguyên nhân sự phát triển "thần kì" của nền kinh tế Nhật Bản.

Câu 2. Dựa vào SGK, trình bày về chính sách đối ngoại của Nhật Bản : liên minh chặt chẽ với Mĩ, coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu, mở rộng hoạt động đối ngoại với các đối tác trên phạm vi toàn cầu và chú trọng phát triển quan hệ với các nước Đông Nam Á.

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nhật Bản từ năm 1970

Vào năm 1968, GNP của Nhật Bản đứng hàng thứ hai trong các nước tư bản, sau Mĩ. Chính vào thời kì này, báo chí bắt đầu gọi Nhật Bản là cường quốc kinh tế hoặc cường quốc GNP. Một số người Tây phương đã dùng các danh từ "economic animal" (con vật kinh tế) hay "đất nước của những người bán transistor" để gọi Nhật Bản, mỉa mai đánh giá sự "thành công quá mức" của Nhật Bản trong các hoạt động kinh tế.

Vào đầu thập kỉ 70, xảy ra hai sự kiện có tác dụng ngăn chặn sự phát triển kinh tế cao độ của Nhật Bản. Trước hết, vào năm 1971, nhằm giải quyết nạn lạm phát ở Hoa Kì và để kiểm soát mức nhập khẩu từ Nhật Bản, chính quyền Níchxơn đưa ra biện pháp tăng mức định giá đồng *yên* (so với Mĩ kim, từ

360 yên tương đương một Mĩ kim lên 308 yên) và quy định hàng nhập khẩu phải trả thêm 10%. Do tính cách bất ngờ và ảnh hưởng không lường của chính sách kinh tế của Níchxơn, người Nhật gọi đòn kinh tế này là "Nixon shock" (cần lưu ý là sau đó không bao lâu, Níchxơn tung ra một đòn ngoại giao khiến Nhật Bản phải lúng túng : vị Tổng thống này quyết định đi thăm Trung Hoa mà không cho Nhật Bản, đồng minh số một của Mĩ ở Viễn Đông, biết trước. Để khỏi "trễ tàu", Thủ tướng Nhật Tanaka Kakuei vội vàng sang Trung Hoa vào tháng 7 – 1972 để công nhận Chính phủ Bắc Kinh).

Thứ đến là cuộc khủng hoảng dầu mỏ năm 1973. Do ảnh hưởng của chiến tranh ở Trung Đông, giá dầu mỗi thùng vào năm 1973 tăng từ 2 Mĩ kim lên 11 Mĩ kim, năm 1979 tăng 24 Mĩ kim rồi nhảy lên 35 Mĩ kim tiếp sau đó. Tuy nhiên, nhờ áp dụng những biện pháp nhằm ngăn chặn nạn lạm phát kịp thời, ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng dầu mỏ đối với kinh tế Nhật Bản không có gì trầm trọng so với các nước khác. Chính sách ngăn chặn nạn lạm phát đánh dấu sự chấm dứt thời kì phát triển cao độ của kinh tế Nhật Bản, bởi lẽ sau đó các xí nghiệp Nhật Bản áp dụng chính sách giảm lượng kinh doanh và hợp lí hoá, do đó không còn tích cực trong việc đầu tư thiết bị như giai đoạn trước. Kinh tế Nhật Bản tạm thời đình trệ và sau đó bước qua giai đoạn "phát triển ổn định" (với tỉ suất 4% một năm, một tỉ suất vẫn tương đối cao so với các nước phát triển).

Song song với sự thay đổi của tình hình quốc tế, mối liên hệ lệ thuộc của Nhật Bản đối với Hoa Kỳ sau chiến tranh đã dần dần biến dạng về kinh tế cũng như về quân sự. Do chính sách ngoại giao khéo léo của Thủ tướng Satō Eisaku, Hoa Kỳ đồng ý trao trả lại quần đảo Ôkinaoa và quần đảo Ôgasaoara của Nhật Bản vào năm 1972 ; đồng thời trong thời gian chiến tranh Việt Nam, Nhật Bản kiếm được hàng tỉ Mĩ kim bằng cách cung cấp các nhu yếu phẩm quân sự đặc biệt cho Hoa Kỳ và tranh thủ được cơ hội để tiến vào thị trường Đông Nam Á. Xatô một mặt lợi dụng chính sách can thiệp của Hoa Kỳ ở Á châu để thuyết phục Hoa Kỳ trao trả lại những quần đảo ở phía nam cho Nhật Bản, một mặt không để Nhật Bản trực tiếp dính líu vào vấn đề Việt Nam. Mặc dù một trong những điểm cần bàn của đường lối ngoại giao của Nhật Bản là giữ liên hệ mật thiết với Hoa Kỳ và trên thực tế mối quan hệ giữa hai nước vẫn rất hoà hiếu, có thể nói là sau cú đòn "Nixon shock", tuần trăng mật "Nhật – Mĩ" bắt đầu từ tháng 8 – 1945 đã đi qua, và sau đó cả hai bên từng bước tìm cách định nghĩa lại tính cách của mối quan hệ hỗ tương ngày càng tế nhị và phức tạp.

Bắt đầu từ thập kỉ 80, để khắc phục tình trạng quá lệ thuộc vào nguyên liệu của nước ngoài, Nhật Bản tìm cách phát triển kĩ thuật, tiết kiệm năng lượng và đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Nhật Bản chuyển trọng tâm sản xuất vào những kĩ nghệ đòi hỏi tập trung trí thức kĩ thuật cao độ và không đòi hỏi nhiều nhiên liệu nhằm có thể cạnh tranh một cách thuận lợi với các nước khác, chẳng hạn như kĩ nghệ sản xuất xe hơi, máy tính điện tử – đặc biệt là "phần mềm", kĩ nghệ chế tạo người máy, kĩ thuật sinh học, v.v.. Vị trí quan trọng của nước Nhật Bản trong cộng đồng quốc tế được biểu hiện trên nhiều mặt. Về mậu dịch, theo thống kê năm 1983, tính theo trị giá, Nhật Bản chiếm đến 8,8% tổng số xuất khẩu và 7,3% tổng số nhập khẩu trên thế giới. Từ năm 1985 đến năm 1989, Nhật Bản là nước trái quyền (người chủ nợ) lớn nhất trên thế giới, và bắt đầu từ năm 1988, lần đầu tiên, ngân sách viện trợ cho "các nước thứ ba" của Nhật Bản vượt Hoa Kỳ.

Nước Nhật ngày nay đang đứng trong một khúc quanh. Những xí nghiệp lớn của Nhật Bản nói chung chuyên sản xuất các mặt hàng xuất khẩu và chính nhờ xuất khẩu mà kinh tế Nhật Bản đã đạt được vị trí ưu việt ngày nay. Tuy nhiên, khuynh hướng xuất khẩu ồ ạt của Nhật Bản đã gây ra bất mãn không ít ở Hoa Kỳ và các nước Âu châu trong những năm vừa qua. Nếu so sánh tỉ lệ xuất khẩu với tổng số bán ra giữa hai năm 1970 và 1984, hãng xe hơi Toyota tăng từ 22% lên 45%, công ti điện khí Matsushita tăng từ 19,6% lên 37%, hãng Sony tăng từ 52% lên 69% và hãng Seiko tăng từ 21% lên 54%. Mục tiêu xuất khẩu chính của các xí nghiệp lớn của Nhật Bản là Hoa Kỳ và các nước Âu châu, bởi lẽ đây là những nước có khả năng nhập khẩu lớn. Vì vậy, trong khi số hàng Nhật Bản xuất khẩu sang các nước đang phát triển đang trên đà đi xuống, thì lượng xuất khẩu của Nhật Bản sang các nước Tây phương, đặc biệt là Hoa Kỳ, ngày càng tăng. Chẳng hạn, nếu tính trong khoảng hai năm 1960 và 1986, tỉ lệ số lượng xuất khẩu của Nhật Bản sang các nước Âu châu so với tổng số xuất khẩu của Nhật Bản tăng từ 4,3% lên 14,7% và tỉ lệ xuất khẩu sang Hoa Kỳ tăng từ 27,2% lên 38%.

Do đó, một trong những vấn đề cấp bách nhất đối với Nhật Bản là giải quyết những đụng chạm về quyền lợi kinh tế với Hoa Kỳ và các nước Âu châu. Các nước này đã và đang đòi hỏi Nhật Bản giới hạn mức xuất khẩu đối với một số mặt hàng hoặc yêu cầu Nhật Bản mở rộng thị trường để bình quân hoá cán cân mậu dịch.

Ngoài ra, Nhật Bản đang gặp sự cạnh tranh mãnh liệt của những nước mới công nghiệp hoá như Hàn Quốc, Xingapo, Đài Loan,... Dựa trên ưu thế là nhân công tương đối rẻ, các nước này đang tiến vào các thị trường thép, đóng tàu, xe hơi và tivi.

So với các nước có kĩ nghệ tiên tiến khác, nhược điểm trầm trọng của Nhật Bản là phải lệ thuộc quá nhiều vào những yếu tố bên ngoài, ví dụ phải dựa vào các nguyên liệu nhập khẩu như dầu thô, than đá, cao su, gỗ và thực phẩm.

Một nhược điểm khác của Nhật Bản so với các nước tiên tiến Tây phương là vấn đề khác biệt về văn hoá và ngôn ngữ. Mặc dù nước Nhật đã chiếm ưu thế trên các lĩnh vực kinh tế và kĩ thuật, nói chung, đối với các nước Tây phương, văn hoá Nhật Bản vẫn mang tính huyền bí, khó hiểu của các nước Đông phương. Trong khi đó, đối với các nước Á châu, Nhật Bản lại có vẻ quá Âu hoá. Chính vì vị trí quan trọng của Nhật Bản ngày nay trên thế giới, vấn đề khác biệt văn hoá trở nên quan trọng, khiến tình hình *bôeki masatsu* giữa Nhật Bản và các nước khác càng có vẻ phức tạp hơn. Nhằm giải quyết vấn đề đó, trong những năm gần đây, một trong những chủ trương lớn của Bộ Ngoại thương và Công nghiệp của Nhật Bản là "quốc tế hoá" Nhật Bản.

(Vĩnh Sinh, *Nhật Bản cận đại*,
NXB TP. Hồ Chí Minh, 1991, tr. 264 – 266)